TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC MB** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST
Ngày 24/3/2026.
Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC MB – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Tình.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hoa.

2. Bà Trần Thị Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực MB – Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực MB-Thành phố Hồ Chí Minh:*** Không tham gia phiên tòa theo Văn bản số 147/CV-VKS ngày 09/3/2026.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực MB – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 416/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2026 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 27/02/1992;

Căn cước công dân số: 040192001238 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 17/6/2022.

Địa chỉ: Thôn N, xã L, tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền nhận, rút văn bản: Bà Trần Thị Mỹ T, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Thôn N, xã L, tỉnh Q.

Bị đơn: Ông Đinh Chỉ V, sinh ngày 10/10/1989;

Hộ chiếu số: P01970468 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 25/4/2023.

Địa chỉ: 378 GH, 1200 WSL, B.

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng: Ông Nguyễn Đại B, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường P, Thành phố H.

Bà N, ông V có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Đinh Chỉ V tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2010. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh B (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển 01/2010 ngày 09/12/2010. Quá trình chung sống, vợ chồng ông bà hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, không hiểu nhau, luôn bất đồng trong quan điểm sống và càng ngày mâu thuẫn nảy sinh càng nhiều, càng khó hòa giải, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Nay Bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên bà đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Đinh Chỉ V.

Về con chung và cấp dưỡng: Bà N và ông V có 03 con chung là Đinh Chỉ H, sinh ngày 22/4/2011; Đinh Nguyễn Bảo T, sinh ngày 13/8/2015 và Đinh Nguyễn Bảo N, sinh ngày 05/02/2018. Sau khi ly hôn, Bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con chung và ông V cấp dưỡng nuôi con là 15.000.000đồng/tháng/03 con (5.000.000đ/tháng/01 con) cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành và tự lo được cho cuộc sống của mình.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị N có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Đinh Chỉ V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và Bà N tự nguyện yêu thương và kết hôn với nhau năm 2010 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh B (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển 01/2010 ngày 09/12/2010.

Ông và Bà N chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, không hiểu nhau, luôn bất đồng trong quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cải vã nhau làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và Bà N ly hôn.

Về con chung: Ông V và Bà N 03 con chung là Đinh Chỉ H, sinh ngày 22/4/2011; Đinh Nguyễn Bảo T, sinh ngày 13/8/2015 và Đinh Nguyễn Bảo N, sinh ngày 05/02/2018. Sau khi ly hôn, ông V đồng ý giao các con chung cho Bà N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 15.000.000đồng/tháng/03 con (5.000.000đ/tháng/01 con) cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành và tự lo được cho cuộc sống của mình

Về tài sản chung: Ông Đinh Chỉ V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Đinh Chỉ V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đinh Chỉ V có ý kiến xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực MB – Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đinh Chỉ V và yêu cầu giải quyết về con chung. Do vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có địa chỉ tại thôn N, xã L, tỉnh Q; bị đơn ông Đinh Chỉ V hiện đang cư trú tại 378 GH, 1200 WSL, B. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 40; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 85/2025/QH15 ngày 25-6-2025 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực MB – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N và bị đơn là ông Đinh Chỉ V vắng mặt nhưng cùng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực MB – Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Đinh Chỉ V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại tại UBND xã B, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là xã Bình Giã, Thành phố Hồ Chí Minh). Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị N và ông Đinh Chỉ V phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cải vã nhau. Nay cả hai ông bà đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài nên cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn.

Do vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Đinh Chỉ V là có thật và đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về việc xin ly hôn với ông Đinh Chỉ V.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị N và ông Đinh Chỉ V có 03 con chung là Đinh Chỉ H, sinh ngày 22/4/2011; Đinh Nguyễn Bảo T, sinh ngày 13/8/2015 và Đinh Nguyễn Bảo N, sinh ngày 05/02/2018. Bà Nguyễn Thị N và ông Đinh Chỉ V thống nhất, sau khi ly hôn sẽ giao các con chung cho Bà N trực

tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tại các bản tự khai cháu H, cháu T và cháu N cũng có mong muốn được ở với mẹ. Do đó, việc giao cháu H, cháu T và cháu N cho Bà N chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với mức cấp nuôi con chung là 15.000.000đồng/tháng/03 con (5.000.000đ/tháng/01 con): Do Bà N và ông V thống nhất về mức cấp dưỡng nuôi con số tiền 15.000.000đồng/tháng/03 con (5.000.000đ/tháng/01 con). Vì vậy, căn cứ vào Điều 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000đ/tháng/con của bà Nguyễn Thị N.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Đinh Chỉ V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; ông Đinh Chỉ V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 5 Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 85/2025/QH15 ngày 25-6-2025 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 82, 84, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị N:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Đinh Chỉ V.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Đinh Chỉ H, sinh ngày 22/4/2011; Đinh Nguyễn Bảo T, sinh ngày 13/8/2015 và Đinh Nguyễn Bảo N, sinh ngày 05/02/2018 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đinh Chỉ V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 15.000.000đồng/tháng/03 con (5.000.000đ/tháng/01 con) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chưa thi hành án và thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Đinh Chỉ V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0034528 ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

Ông Đinh Chỉ V phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Ông Đinh Chỉ V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND khu vực MB - TPHCM;
- THADS TPHCM;
- UBND xã B, TP HCM
(GCNKH số 75 ngày 09/12/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Tình